TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS-ST.
Ngày: 14-6-2018.
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Toàn.

Các hội thẩm nhân dân:

1.Bà Trần Thị Phúc.

2.Bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đồng Thị X, sinh năm 1969.
Địa chỉ: Số nhà 398, Tổ H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn:
Vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q.
Địa chỉ: Số nhà 214/6, đường L, Tổ H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Đồng Thị X có mặt, vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, bà Đồng Thị X trình bày:

Vào ngày 12-7-2016 bà có cho vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị

Qvay số tiền là 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn thanh toán cuối năm 2016.

Quá trình vay vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q chưa thanh toán cho bà đồng tiền lãi nào mặc dù bà yêu cầu rất nhiều lần.

Nay bà yêu cầu vợ chồng vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q thanh toán số tiền gốc 15.000.000đ và tiền lãi tính từ 12-7-2016 đến nay 14-6-2018 là 23 tháng theo mức lãi suất 0,75%/tháng thành tiền 2.587.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh là: "Giấy vay tiền" ghi ngày 12-7-2016 vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q ký nhận.

Đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần vợ chồng vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q đến Tòa án nhân dân huyện D nhưng đều vắng mặt; Tòa án cùng với chính quyền địa phương đã đến tận nhà vợ chồng vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q để làm việc tuy nhiên không ghi lời khai được của vợ chồng vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X buộc vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q cùng có nghĩa vụ trả cho bà Đồng Thị X số tiền 15.000.000 đồng và tiền lãi 2.587.000 đồng. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đồng Thị X theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là đã tự mình từ bỏ quyền được trình bày ý kiến và đưa ra tài liệu chứng cứ để chứng minh bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Toà án. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng thời hạn luật định, cần căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện bà Đồng Thị X xác định vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q vay số tiền 15.000.000 đồng và hẹn đến tháng 12-2016 sẽ thanh toán nhưng chưa thanh toán. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Đồng Thị X với vợ ông chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về thời hiệu: Theo đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện vào ngày 12-7-2016 giữa bà Đồng Thị X và vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q có vay tiền và viết giấy vay tiền 15.000.000 đồng. Ngày 18-7-2017

bà Xuân khởi kiện nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 184 BLTTDS xác định yêu cầu của bà Đồng Thị X còn trong thời hiệu.

[4]Về nội dung tranh chấp: Theo lời khai của bà Đồng Thị X thể hiện vào ngày 12-7-2016 bà Đồng Thị X có cho vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q vay số tiền là 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn thanh toán cuối năm 2016. Việc vay tiền được vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q ký nhận giấy vay ngày 12-7-2016 như vậy bà Đồng Thị X khởi kiện vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q là có cơ sở cần áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2005 buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ cho bà Đồng Thị X số tiền vay gốc 15.000.000 đồng đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tiền lãi của số tiền 15.000.000 đồng bà Đồng Thị X yêu cầu theo mức lãi suất 0,75 %/tháng từ ngày 12-7-2016 đến 14-6-2018 (bà X chỉ yêu cầu 23 tháng) thành tiền là 2.587.000 đồng, căn cứ vào khoản 4 Điều 474, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 là đúng quy định cần buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đồng Thị X số tiền lãi 2.587.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên khẳng định bà Đồng Thị X khởi kiện là có căn cứ, vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q đã vi phạm nghĩa vụ, có lỗi chậm thanh toán, cần áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476; khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q cùng có nghĩa vụ trả cho bà Đồng Thị X số tiền gốc là 15.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.587.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 17.587.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của bà Đồng Thị X được chấp nhận vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 17.587.000 đồng x 5% = 879.000 đồng là phù hợp.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đồng Thị X 425.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0003089 ngày 01-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144, Điều 147, Bộ luật tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 471, Điều 474, của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị X. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đồng Thị X số tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi 2.587.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 17.587.000 (Mười bảy triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Vợ chồng Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Q cùng chịu 879.000 đồng (Tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đồng Thị X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 425.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0003089 ngày 01-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Toàn

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa